

Số 01 /ĐHĐCĐ-TCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty Sông Đà – CTCP ngày 24 tháng 5 năm 2024 đã được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với số phiếu tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các nội dung chính như sau:

a. *Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023:*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023		THỰC HIỆN NĂM 2023		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200	7.712	1.798	112	150
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145	6.456	1.914	102	167
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	500	45	672	93	134	207
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440	695	409	112	93
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429	515	396	90	92

b. *Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024:*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	530	50
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430
6	Tỷ lệ cổ tức	%		10

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Tổng tài sản:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.875.654.813.234, đồng
Tài sản dài hạn	7.210.646.102.054, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.419.343.526.982, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.666.957.388.306, đồng
+ Tổng doanh thu	1.913.879.898.437, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	409.279.188.734, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	396.322.747.679, đồng

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2022: 230.519.761.264, đồng
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 396.322.747.679, đồng
3. Trích lập các quỹ:
 - 3.1 Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% từ lợi nhuận sau thuế năm 2023: 118.896.824.304, đồng.
 - 3.2. Giao Hội đồng quản trị TCT quyết định phê duyệt quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động bằng 3 tháng tiền lương thực hiện của người lao động năm 2023 nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch; trích quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2023;
4. Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:

Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng

Lợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000 đồng (bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Điều 5. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao BKS Tổng công ty Sông Đà năm 2023; kế hoạch thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2024 như sau:



Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 đảm bảo đúng quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và phù hợp với phê duyệt quyết toán của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Điều 7. Thông qua kết quả miễn nhiệm Thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028, như sau:

7.1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Nguyễn Tiến Dũng - sinh năm: 1981; trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng, Thạc sỹ Kế toán quốc tế.

7.2. Bầu ông Lê Văn Tuấn - sinh năm: 1970; trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý sản xuất Kinh doanh Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng (ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5 giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Điều 8. Điều khoản thi hành:

Giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Nghị quyết này gồm 03 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/5/2024.

Nơi nhận: 

- Các cổ đông;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Các PTGD;
- Các Ban TCT;
- Lưu VP TCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Trần Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

A. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Mã số doanh nghiệp: 0100105870.

B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 08 giờ 30 phút ngày 24/5/2024.

C. Địa điểm: Hội trường tầng 1, Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

D. Thành phần tham dự:

- Các đại biểu khách mời: Đại diện SCIC:
 - + Bà Kiều Bích Hoa – Phó Ban Đầu tư 2
 - + Các chuyên viên Ban Đầu tư 2
- Đại diện các Ngân hàng đối tác: PVCombank, BIDV
- Đại diện đơn vị kiểm toán BTCT năm 2023: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Các Cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu tại Đại hội như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Trần Văn Tuấn : Chủ tịch HĐQT TCT - Chủ tọa
- Ông Trần Anh Đức : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng : Thành viên HĐQT TCT

2. Ban Thư ký được Chủ tọa Đại hội chỉ định như sau:

- Bà Nguyễn Hồng Vân - Tổ trưởng Tổ thư ký HĐQT TCT- Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Việt Lương – Chuyên viên Ban TCKT - Tổ viên;

3. Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:



- Ông Trần Đức Tân - Giám đốc Ban TCNS - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó GD Ban CLĐT - Thành viên
- Ông Hà Trí Thức – Chuyên viên Ban kinh tế - Thành viên
- Ông Nguyễn Sơn Hải – Chuyên viên Ban KTPC&QTRR
- Ông Nguyễn Sỹ Nhuận – Chuyên viên văn phòng

F. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Phó Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Bà Lê Thị Thu Hiền báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP là **212** cổ đông đại diện cho **449.537.112** phiếu biểu quyết tương đương tổng số cổ phần sở hữu là **449.537.112** cổ phần, tương ứng 100% vốn điều lệ (theo danh sách chốt ngày 23/4/2024).
- Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc (9h00 phút) là 34 cổ đông đại diện cho 448.666.912 phiếu biểu quyết tương đương 448.666.912 cổ phần, đạt 99,8% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

G. Nội dung phiên họp:

1. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
3. Quy chế tổ chức đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. Quy chế đề cử, ứng cử và bầu Hội đồng quản trị, TCT Sông Đà nhiệm kỳ 2024-2028 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
5. Đại hội nghe Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
6. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Văn Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát TCT trình bày báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 và Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
7. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT TCT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

8. Thảo luận tại Đại hội: Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và tờ trình mà Đoàn Chủ tịch đã trình bày tại đại hội.

9. Các cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.

10. Miễn nhiệm và Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế bầu cử với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;

- Đại hội đã nghe Ông Trần Đức Tân - Giám đốc Ban TCNS TCT báo cáo về Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và Danh sách ứng cử, đề cử bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua danh sách đề cử 01 nhân sự tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;

* Việc miễn nhiệm và tổ chức bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028: Đại hội đã được Ban kiểm phiếu hướng dẫn chi tiết cách thức ghi phiếu bầu cử và bỏ phiếu bầu để thực hiện bầu cử.

11. Nội dung thảo luận tại phiên họp:

❖ Cổ đông Lê Văn Lâm, Mã số cổ đông: 048 đặt các câu hỏi như sau:

- Hiện tại TCT Sông Đà có một số công ty con thường xuyên hoạt động kinh doanh dưới giá vốn, vậy Tổng công ty có những giải pháp gì để cải thiện tình trạng này?

- Có thể cung cấp cho các cổ đông BCTC năm 2023 của Công ty CP Điện Việt Lào được không vì TCT vẫn còn nhiều khoản nợ phải thu từ công ty này;

- Hiện nay các quy định của quy chế quản lý vốn của TCT tại các công con chưa thực sự tốt, hiệu quả vì nhiều đơn vị còn thua lỗ, vì vậy đề nghị phải sửa đổi quy chế này.

- Chủ tịch HĐQT một số công ty con là Người đại diện vốn của TCT cử, là người lao động của TCT nhưng TCT lại để cho đơn vị trả tiền lương, như vậy có ràng buộc được trách nhiệm của Người đại diện hay không?

❖ Câu trả lời của Chủ tịch HĐQT TCT Sông Đà:

Tôi xin thay mặt HĐQT và ban lãnh đạo TCT cảm ơn những góp ý của cổ đông có mã số 048. Tôi xin trả lời các câu hỏi của cổ đông như sau:

- Hiện nay, TCT đang trình SCIC Đề án cơ cấu lại TCT Sông Đà giai đoạn 2023-2028, trong đó một số đơn vị có khả năng tái cơ cấu thì được giữ lại, một số đơn vị hoạt động không hiệu quả sẽ được thoái vốn. Do Đề án chưa được phê duyệt nên hiện tại chưa thể công bố cụ thể. Dự kiến trong tháng 6, Đề án có khả năng được SCIC thông qua.

- Về báo cáo tài chính của Công ty CP Điện Việt Lào: Công ty CP Điện Việt Lào hiện nay là đơn vị hoạt động có hiệu quả cao, là nguồn thu lớn của TCT Sông Đà, cổ

tức hàng năm khoảng 10%. Sau khi Công ty CP Điện Việt Lào tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 28/6/2024, TCT có thể cung cấp BCTC cho cổ đông.

– Về quy chế quản lý Người đại diện vốn: Sau khi ĐHĐCĐ, TCT sẽ đánh giá Người đại diện vốn tại từng đơn vị và báo cáo SCIC. Hiện nay TCT cũng đang tiến hành sửa đổi bổ sung quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD và quản lý doanh nghiệp.

– Về tiền lương, thưởng của Người đại diện vốn: Người đại diện vốn của TCT tại các đơn vị khác đều phải ký hợp đồng ủy quyền đại diện vốn với TCT trong đó quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của Người đại diện. Tổng công ty cũng sẽ ghi nhận ý kiến đóng góp của cổ đông và tiếp tục nghiên cứu, xem xét về nội dung này.

H. Các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông:

Tại thời điểm bỏ phiếu: Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 34 cổ đông đại diện cho 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 99,809 % trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã nhất trí thông qua với một số các nội dung:

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các nội dung chính như sau:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023		THỰC HIỆN NĂM 2023		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200	7.712	1.798	112	150
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145	6.456	1.914	102	167
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	500	45	672	93	134	207
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440	695	409	112	93
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429	515	396	90	92

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	530	50
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430
6	Tỷ lệ cổ tức	%		10

c. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

3. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:

a. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Tổng tài sản:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.875.654.813.234, đồng
Tài sản dài hạn	7.210.646.102.054, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.419.343.526.982, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.666.957.388.306, đồng
+ Tổng doanh thu	1.913.879.898.437, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	409.279.188.734, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	396.322.747.679, đồng

b. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

a) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2022: 230.519.761.264, đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 396.322.747.679, đồng
- Trích lập các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% từ lợi nhuận sau thuế năm 2023: 118.896.824.304

+ Giao Hội đồng quản trị TCT quyết định phê duyệt quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động bằng 3 tháng tiền lương thực hiện của người lao động năm 2023 nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch; trích quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2023;

- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:

Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng

Lợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000 đồng (bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

5. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao của BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

a) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 đảm bảo đúng quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và phù hợp với phê duyệt quyết toán của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023 BKS Tổng công ty Sông Đà và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

a) Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

7. Thông qua miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Nguyễn Tiến Dũng - sinh năm: 1981; trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng, Thạc sỹ Kế toán quốc tế.

a) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.680.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.680.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.680.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.680.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT TCT với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

2. Bầu ông Lê Văn Tuấn - sinh năm: 1970; trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý sản xuất Kinh doanh Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng (ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5 giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 – 2028.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.681.512 phiếu biểu quyết tương đương 448.681.512 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua bầu Thành viên HĐQT TCT với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

8. Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (www.songda.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Hồng Vân:.....

2. Ông Nguyễn Việt Lương:




Trần Văn Tuấn



Số: 01 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về hoạt động của HĐQT năm 2023, kết quả thực hiện
SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Sông Đà-CTCP (Tổng công ty) theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, HĐQT Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023; Kết quả thực hiện SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

I. Cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị TCT Sông Đà có 05 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT gồm:

- Ông Trần Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm TGD TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Quốc Bảo – Thành viên HĐQT

II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 24/6/2023.
2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 bao gồm:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý và ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ: 04 phiên

- Số phiên họp để giải quyết các hoạt động SXKD: 6 phiên
 - Số nghị quyết/quyết định ban hành: 88
- b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 bao gồm:
- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2023
 - Chỉ đạo tổ chức công tác đấu thầu.
 - Chỉ đạo công tác rà soát, hoàn thiện đề án tái cơ cấu lại TCT giai đoạn 2023-2028.
 - Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án.
 - Chỉ đạo công tác sắp xếp nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
 - Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
 - Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thi công các dự án trọng điểm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả dự án.
 - Giám sát chỉ đạo việc thu hồi công nợ, cơ cấu nợ.
 - Chỉ đạo thực hiện công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị
 - Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của Công ty, thỏa ước lao động tập thể;
 - Chỉ đạo và giám sát các nội dung khác liên quan đến trách nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

3. Kết quả thực hiện SXKD năm 2023: Chi tiết tại Mục B dưới đây

III. Công tác quản trị Công ty

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm qua HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ, công bố thông tin theo quy định; thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn, trách nhiệm của mình. Duy trì thường xuyên các phiên họp định kỳ và các phiên họp khác theo yêu cầu. Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc điều hành nhằm có sự thống nhất chung phương thức lãnh đạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh... để các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về quản trị công ty đại chúng cũng như các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng quản trị của bộ máy quản lý nhà nước.




B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023.

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2023, do chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu Elnino nên một số nhà máy thủy điện thiếu nước phát điện..., thị trường xây lắp truyền thống của TCT bị thu hẹp, việc tiếp thị đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn. Được sự chỉ đạo sát sao, hiệu quả của Đảng ủy khối DNTW, SCIC, Tổng công ty đã tập trung bám sát mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm đề ra, tìm mọi giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh hoạt động SXKD; Kết quả thực hiện năm 2023 của Tổng công ty cụ thể:

1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023		THỰC HIỆN NĂM 2023		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200	7.712	1.798	112	150
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145	6.456	1.914	102	167
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	500	45	672	93	134	207
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440	695	409	112	93
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429	515	396	90	92

2. Đánh giá chung:

Năm 2023, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng TCT đã tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công tác thi công xây lắp các công trình trọng điểm: Cơ bản hoàn thành mục tiêu tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình/dự án thi công theo kế hoạch đề ra, trong đó hoàn thành ngăn sông thủy điện Tanahu.
- Công tác quản lý, vận hành các nhà máy điện an toàn cơ bản đạt kế hoạch sản lượng điện đề ra.
- Hoàn thành kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2023-2028.
- Hoàn thành lập, trình SCIC Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2023-2028.
- Toàn TCT trúng thầu với giá trị khoảng 3.000 tỷ đồng.
- Hoàn thành quyết toán, thanh lý với chủ đầu tư gói XL14A công trình Nhà Quốc hội. Đặc biệt tại thủy điện Nam Theun 1 đã ký thỏa thuận hòa giải giữa liên danh với Chủ đầu tư và với nhà thầu phụ.



3. Công tác quản lý kỹ thuật:

- Công tác chỉ đạo, điều hành thi công xây lắp tại các công trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất điện thực hiện, đúng quy trình trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị kịp thời và quản lý vận hành an toàn. Công tác an toàn hồ đập được đặc biệt quan tâm, chú trọng.
- Công tác quản lý vận hành tòa nhà Sông Đà bảo đảm an toàn, tiện ích đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Hoàn thành bảo trì hệ thống cấp thoát nước tòa nhà.
- Hoàn thành đánh giá duy trì chứng nhận hệ thống ISO tích hợp ISO 9001:2015; ISO 14001: 2015; ISO 45001:2018 của TCT.

4. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị và chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Mẹ - TCT và các công ty con, công ty liên kết.
- Làm việc với Bộ Xây dựng về quyết toán vốn NN tại thời điểm chuyển sang CTCP; có văn bản gửi UBND TP Hà Nội và Sở TNMT về khu đất cơ sở 2 Hà Đông.
- Làm việc với SCIC, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính về hồ sơ miễn lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo Thông tư 57/2022/TT-BTC.
- Phối hợp với XM Hạ Long làm việc với Bộ Tài chính về khoản vay NIB, Quỹ tích lũy.
- Hoàn thành lập, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, báo cáo giữa niên độ năm 2023 của Công ty mẹ và Hợp nhất toàn TCT.
- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.

5. Công tác chiến lược đầu tư:

- Hoàn thành việc rà soát báo cáo tình hình thực hiện năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của TCT; Báo cáo kết quả hoạt động giai đoạn 2018-2023 và định hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2028 của Tổng công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 – TCT Sông Đà thông qua.
- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và trình SCIC đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023-2028 theo Phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2023-2028 của Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Hợp tác với một số doanh nghiệp, đối tác có thế mạnh trong việc tham gia đấu thầu thi công xây lắp và nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án điện, hạ tầng giao thông,...; Chỉ đạo các đơn vị tăng cường nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án.
- Xem xét hồ sơ hiệu chỉnh BCNCKT dự án thủy điện Xekaman 4; Chủ trương nghiên cứu cơ hội đầu tư mở rộng TĐ RyNinh II, Ngọc Tem,...
- Chỉ đạo triển khai hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo chỉ đạo của UBQLVNN và SCIC theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP.

6. Công tác kinh tế:

- Hoàn thành ký thỏa thuận hòa giải giữa Liên danh với Chủ đầu tư TĐ Nam Theun 1; Liên danh đã thanh toán 03 đợt cho Sông Đà; thực hiện thanh, quyết toán nội bộ cho các đơn vị theo HD21, 96.
- Hoàn thành quyết toán, thanh lý với chủ đầu tư gói XL14A công trình Nhà Quốc hội, Nam Hòn Khô; Cơ bản hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công tại TĐ Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Nhà Quốc Hội. Tập trung làm việc với Chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc để nghiệm thu thanh, quyết toán thủy điện Xekaman 1.
- Chỉ đạo Công ty CPTĐ Cần Đơn ký hợp đồng giá điện NM TĐ Ry Ninh 2 theo PA giá tạm thời.

7. Công tác kinh doanh cho thuê nhà:

Trong năm 2023 đã tập trung tìm kiếm khách hàng cho thuê với tỷ lệ lấp đầy khoảng 99% diện tích. Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng được đảm bảo.

8. Công tác tiếp thị đấu thầu:

Trong năm 2023 toàn TCT trúng thầu với giá trị khoảng 3.000 tỷ đồng.

9. Công tác tổ chức nhân sự:

- Hoàn thành công tác bổ sung quy hoạch các chức danh do Tổng công ty quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026
- Hoàn thành rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết phục vụ đại hội đồng cổ đông năm 2023. Hoàn thành ký Hợp đồng giao trách nhiệm đối với các đơn vị có sự thay đổi Người đại diện.
- Bổ nhiệm lại 02 PTGD TCT, Giám đốc, Phó giám đốc các Ban chức năng TCT; bổ nhiệm Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ, Phó giám đốc phụ trách Ban Chiến lược Đầu tư, Phó giám đốc Ban Kinh tế TCT.

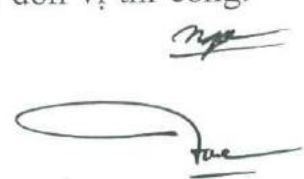
10. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro:

- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Tổng công ty, hỗ trợ pháp lý các đơn vị.
- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, qui định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

11. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, trong năm qua hoạt động SXKD của TCT còn một số hạn chế như sau:

- Một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn gặp khó khăn về tài chính, kết quả SXKD chưa cao nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả của Tổng công ty.
- Tại một số công trình Chủ đầu tư vẫn chưa thanh toán cho đơn vị thi công. Công nợ tại Xi măng Hạ Long chưa được giải quyết.



- Quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển giao sang CTCP chưa được phê duyệt.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Thị trường xây lắp truyền thống của TCT bị thu hẹp, cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hạ giá thành,..; Bên cạnh đó, còn một số chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán cho đơn vị thi công, ngoài ra việc chỉ đạo công tác quyết toán tại một số công trình chưa thực sự quyết liệt đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh.
- Bộ Xây dựng chưa phê duyệt quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao sang CTCP.

C. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2024.

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	530	50
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430
6	Tỷ lệ cổ tức	%		10

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai thực hiện đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
2. Đảm bảo mục tiêu, tiến độ, chất lượng và an toàn các công trình xây dựng.
3. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác nghiệm thu, quyết toán, thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức. Tiền về tài khoản toàn TCT 5.800 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 840 tỷ đồng.
4. Giải trình đề SCIC thông qua Đề án tái cơ cấu lại TCT giai đoạn 2023-2028.
5. Phối hợp cùng Bộ Xây dựng giải quyết xong giá trị của các căn chung cư tại khu đất cơ sở 2 Hà Đông, để Bộ Xây dựng phê duyệt quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP.
6. Kinh doanh cho thuê văn phòng (Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình) phấn đấu tỷ lệ lấp đầy trên 99%.
7. Các nhà máy điện vận hành an toàn, đạt sản lượng điện: 1.970 triệu Kwh.
8. Tập trung tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm, giá trị trúng thầu toàn TCT

khoảng 6.000 tỷ đồng.

9. Hoàn thành xem xét hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thủy điện Xekaman 4.
10. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án phát điện, dự án hạ tầng giao thông theo hình thức PPP, một số dự án hiệu quả khác.
11. Phối hợp với Công ty CP thủy điện Nậm Chiến hoàn thành tái cơ cấu các khoản vay của đơn vị.
12. Công tác sắp xếp, xử lý nhà đất: Hoàn thành báo cáo SCIC phương án sắp xếp, xử lý nhà đất các đơn vị; Làm việc với đơn vị theo lịch của UBQLV nhà nước tại doanh nghiệp và SCIC.
13. Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty mẹ; Xem xét, trình thông qua nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 do Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp trình.
14. rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý kỹ thuật

- Chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ đề tập trung lực lượng thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất điện xây dựng và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, nhằm đảm bảo vận hành an toàn nhà máy điện trong mùa mưa với sản lượng cao nhất, hạn chế tối đa việc xả nước qua đập tràn, sử dụng tối ưu nguồn nước để phát điện.
- Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình.
- Tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong toàn Tổng công ty; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của Tổng công ty.

2. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp

- Hoàn thành công tác phê duyệt kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP; Ký biên bản bàn giao tài chính sang CTCP.
- Tổ chức triển khai thực hiện thoái vốn các đơn vị theo kế hoạch đảm bảo hiệu quả.
- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác thu vốn, thu hồi công nợ. Cân đối đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và trả nợ năm 2024 của Công ty Mẹ đúng hạn.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung Đại hội để các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.



3. Công tác chiến lược đầu tư

- Hoàn thành công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty Mẹ - TCT và cho các đơn vị trong Tổng công ty.
- Giải trình để SCIC thông qua Đề án tái cơ cấu lại TCT giai đoạn 2023-2028.
- Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty mẹ khoảng 351 tỷ đồng; tăng vốn điều lệ Công ty CP thủy điện Nậm Chiến 301 tỷ đồng, góp vốn đầu tư dự án thủy điện Xekaman 4 khoảng 50 tỷ đồng (theo kế hoạch huy động vốn đầu tư dự án).
- Hoàn thành xem xét hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thủy điện Xekaman 4.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thuộc các lĩnh vực năng lượng, hạ tầng giao thông; Chỉ đạo các đơn vị tăng cường nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án.
- Công tác sắp xếp, xử lý nhà đất: Hoàn thành báo cáo SCIC phương án sắp xếp, xử lý nhà đất các đơn vị; Làm việc với đơn vị theo lịch của UBQLV nhà nước tại doanh nghiệp và SCIC.

4. Công tác kinh tế

- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư các dự án: Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Chiến; Hoàn thành quyết toán hợp đồng với Chủ đầu tư dự án thủy điện Yaly mở rộng.
- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công các DA: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hủa Na, Nậm Chiến, Sê San 3, Sê San 4, Pleikrong, Xekaman 1, Tuyên Quang, Đường Hồ Chí Minh, Nhà Quốc Hội, Ialy mở rộng.
- Chỉ đạo làm việc với Cục Đường bộ Việt Nam thống nhất phương án tài chính và thực hiện quyết toán HĐ BOT các DA Đèo Ngang, QL1A đoạn tránh Hà Tĩnh.
- Chỉ đạo thực hiện rà soát các hợp đồng mua bán điện và giấy phép hoạt động điện lực của các doanh nghiệp thủy điện; Hoàn thành việc cấp lại giấy phép hoạt động điện lực cho TCT tại NMTĐ Cần Đơn.
- Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2023 và kế hoạch tiền lương năm 2024.

5. Công tác kinh doanh cho thuê nhà

- Chỉ đạo tiếp tục tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng tại Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy trên 99%.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông và tiếp thị trên các phương tiện thông tin đại chúng; công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng tại tòa nhà.

6. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Mục tiêu nhiệm vụ của công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2024 của toàn Tổng công ty với giá trị trúng thầu khoảng 6.000 tỷ đồng. Tập trung chỉ đạo tham gia đấu thầu các dự án thủy điện Bắc Ái, thủy điện Trị An mở rộng, các dự án phụ

hợp năng lực của TCT ở Việt Nam và Nước CHDCND Lào.

- Tiếp tục chỉ đạo củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đầu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đầu thầu các dự án, công trình theo kế hoạch tiếp thị đầu thầu được duyệt và đạt kết quả cao.

7. Công tác tổ chức nhân sự

- Hoàn thành phê duyệt quy hoạch các chức danh do TCT quản lý nhiệm kỳ 2021-2026

- rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của TCT Sông Đà tại các Công ty con, Công ty liên kết phục vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2024; Ký hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết (thay đổi trong năm 2024).

- Phê duyệt mô hình quản trị công ty và cơ cấu tổ chức TCT phù hợp với định hướng chiến lược của TCT.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động (lương, BHXH, BHYT, BHTN,...)

8. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro

- Chỉ đạo thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của TCT. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và của SCIC.

- Tiếp tục thực hiện kết luận sau Thanh tra của các cơ quan Thanh tra; Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến TCT (nếu có).

Trên đây là báo cáo kiểm điểm hoạt động của HĐQT Tổng công ty Sông Đà-CTCP năm 2023; Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty. Rất mong các Quý vị cổ đông tham dự đại hội xem xét, thông qua để HĐQT Tổng công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý và điều hành Tổng công ty ngày càng hiệu quả hơn, xây dựng Tổng công ty Sông Đà-CTCP phát triển bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ - CTCP

Số: 368 /TCT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2024.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 ÷ 2028:

Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 gồm có các thành viên:

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	09/6/2023
2	Tổng Quang Vinh	Kiểm soát viên	09/6/2023
3	Hà Tuấn Linh	Kiểm soát viên	09/6/2023

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2023, các thành của Ban Kiểm soát Tổng công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty. Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ và tiến hành kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty. Cụ thể:

2.1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty. Trong đó chú trọng giám sát tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty; tình hình thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; công tác quản lý các khoản phải thu, quản lý nợ phải trả, khả năng

thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty; tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động của Tổng công ty.

- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty.

- Giám sát việc cơ cấu lại vốn của Tổng công ty đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác.

2.2. Thông qua danh mục đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Báo cáo tài chính và các thông tin tài liệu khác. Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đối với các công ty con và một số công ty liên kết có tỷ lệ/giá trị vốn góp lớn của Tổng công ty. Đánh giá, sắp xếp các doanh nghiệp theo ba nhóm chính để có biện pháp giám sát phù hợp: (i) Nhóm công ty hoạt động kinh doanh về cơ bản ổn định có hiệu quả; (ii) Nhóm công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả thấp, không chia cổ tức (hoặc có chia nhưng tỷ lệ cổ tức rất thấp); (iii) Nhóm công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Về kết quả giám sát đối với từng công ty con, công ty liên kết cụ thể, Ban Kiểm soát có văn bản thông báo tới Hội đồng quản trị Tổng công ty; đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục các tồn tại.

2.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính năm hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

2.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập và xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

2.6. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

2.7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện có những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; phát hiện các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Ban Kiểm soát đều có thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị Tổng công ty để chỉ đạo các cá nhân, tổ chức liên quan, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để khắc phục những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro, yếu kém trong công tác quản lý điều hành tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Trọng tâm những công tác sau:

1.1. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2023, Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn không những từ các áp lực bên ngoài để thích nghi theo môi trường kinh doanh đã có những biến đổi về cơ bản, mà còn từ những khó khăn ngay trong nội tại Tổng công ty. Những khó khăn, vướng mắc tồn tại từ trước cổ phần hóa đã và đang từng bước được tháo gỡ, tuy nhiên vẫn còn các vấn đề tồn tại chưa thể tháo gỡ triệt để. Tổng công ty hiện vẫn còn gặp khó khăn trong công tác tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính, thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm.

Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực đề ra các giải pháp để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất kinh doanh, công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn, công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm trong toàn Tổng công ty và đã đạt được những kết quả khả quan. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kết quả như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023		THỰC HIỆN NĂM 2023		HOÀN THÀNH KH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200	7.712	1.798	112%	150%
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145	6.456	1.914	102%	167%
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	500	45	672	93	134%	207%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440	695	409	112%	93%
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429	515	396	90%	92%

1.2. Công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án:

Đối với công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án Tổng công ty làm tổng thầu. Tổng công ty đã và đang tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các chủ đầu tư. Kết quả đạt được đến nay:

- Đã hoàn thành ký thỏa thuận hòa giải giữa Liên danh với Chủ đầu tư dự án thủy điện Nam Theun 1; Liên danh đã thanh toán 03 đợt cho Sông Đà.

- Hoàn thành quyết toán, thanh lý với chủ đầu tư gói XL14A công trình Nhà Quốc Hội, Nam Hòn Khô. Cơ bản hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công tại DA Thủy điện Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Nhà Quốc Hội. Đang tập trung làm việc với chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc để nghiệm thu thanh, quyết toán tại dự án thủy điện Xekaman 1; tuy nhiên công tác này đang tiến triển khá chậm.

1.3. Công tác thu hồi công nợ:

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các công ty con vẫn còn chậm, do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán; giá trị dờ dang, công nợ phải thu còn rất lớn, nên Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đang gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền tạo ra với nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

1.4. Công tác hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028:

Đã cơ bản hoàn thiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028, đang trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty:

Sau khi xem xét, rà soát một cách khách quan và toàn diện tất cả các khía cạnh liên quan đến tình hình tài chính của Tổng công ty. Phân tích, đánh giá các thông tin tài chính. Ban Kiểm soát nhận xét, đánh giá như sau:

2.1. Về chất lượng và độ tin cậy của Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Theo đơn vị kiểm toán thì:

- Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Báo cáo tài chính hợp nhất có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hai công ty con được hợp nhất là Sông Đà 3, Sông Đà 6. Có ý kiến nhấn mạnh về các báo cáo tài chính của một số công ty con được hợp nhất đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu, dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các công ty này. Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và các rủi ro tiềm ẩn: Năm 2023, Tổng công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu được ĐHDCĐ thường niên thông qua, đảm bảo có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của các chủ sở hữu tại Tổng công ty. Những khó khăn, tồn tại về tài chính của Tổng công ty từ trước cổ phần hóa đang dần được khắc phục. Triển vọng tình hình tài chính của Tổng công ty trong thời gian tới từng bước sẽ ổn định hơn.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định. Tài sản của Tổng công ty hiện đang tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu và các khoản đầu tư tài chính, trong đó nhiều tài sản

hiện đang có tính thanh khoản thấp nên rủi ro còn cao. Công tác thu hồi vốn tại các công trình, dự án (như các dự án thủy điện của Điện Việt Lào, và một số công trình, dự án do các công ty con tự tìm kiếm, đấu thầu ...), thu hồi các khoản phải thu của Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ... còn rất chậm; một số khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả; một số khoản tiền cổ tức, lợi nhuận được chia còn tình trạng để nợ đọng nhiều năm chưa thu được (đối với từng vấn đề cụ thể, Ban Kiểm soát đã có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, hoặc ý kiến bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị Tổng công ty). Thực trạng này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty và đặc biệt là các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty đã hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tổng công ty; tuân thủ pháp luật; thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty vẫn còn chậm.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (có mời Ban Kiểm soát tham dự) được thực hiện theo quy định, đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản trị và tình hình phát triển kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xây dựng kế hoạch và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Tổng giám đốc Tổng công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và đúng thẩm quyền.

Trước tình trạng còn nhiều khó khăn, tồn tại của Tổng công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận diện các hạn chế, tồn tại của nội bộ Tổng công ty để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, khắc phục tình trạng tài chính, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát Tổng công ty được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp tốt trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Tổng công ty.

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban

Kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty đều được ghi nhận và thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong 2023, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định, từng bước khắc phục những tồn tại phát sinh từ nhiều năm trước, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua. Để Tổng công ty Sông Đà - CTCP ngày càng hoạt động ổn định và hiệu quả hơn trong những năm tới, Ban Kiểm soát kiến nghị về một số vấn đề cấp bách như sau:

1. Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

2. Công tác thu hồi vốn:

- Cần có biện pháp cần thiết và quyết liệt hơn nữa trong việc thu hồi các khoản công nợ phải thu tại: Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ... để không làm thất thoát, mất vốn; hạn chế tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn, tài sản của Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về hồ sơ, đẩy mạnh công tác thanh, quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư tại các công trình, dự án: Thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3; Thủy điện Nậm Chiến ...

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn. Đối với những khách nợ thiếu thiện chí, chây ì cần đưa ra pháp luật để giải quyết, nhất là đối với các khách nợ là chủ đầu tư/tổng thầu các công trình, dự án do các công ty con, công ty liên kết tự tìm kiếm, đấu thầu.

3. Tập trung cho công tác thị trường tìm việc làm, tích cực tham gia đấu thầu các công trình, dự án trong và ngoài nước trong đó ưu tiên các lĩnh vực thi công, xây dựng là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Sông Đà.

4. Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện hoặc năng lượng tái tạo trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

5. Xây dựng và ban hành hệ thống các quy trình, quy chế quản trị vốn đầu tư; tăng cường kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty thông qua người đại diện vốn tại doanh nghiệp.

6. Tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động và trách nhiệm của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ. Từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu để cải thiện công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết nhằm bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Cụ thể:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Việc hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

- Công tác thu hồi vốn: Thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...). Thanh, quyết toán, thanh lý hợp đồng tại các công trình, dự án (Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Chiến ...).

- Công tác thị trường tìm việc làm; tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, các dự án khác trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

- Công tác xây dựng và ban hành hệ thống các quy trình, quy chế quản trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp).

- Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập; giám sát công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 của Tổng công ty.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

5. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

7. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa

đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

11. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

12. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

13. Giám sát tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty. Đánh giá hiệu quả và mức độ bảo toàn, phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty; tình hình thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty. Thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát trực tiếp/gián tiếp đối với công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty (nếu xét thấy cần thiết).

14. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

15. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

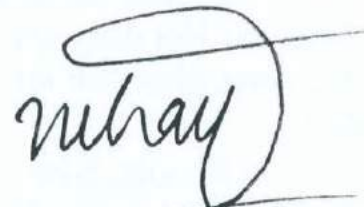
Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT, BKS TCT,
- Lưu BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Thắng

Số: 02/TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HĐQT TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2023:

+ Tổng tài sản:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.875.654.813.234, đồng
Tài sản dài hạn	7.210.646.102.054, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.086.300.915.288, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.419.343.526.982, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.666.957.388.306, đồng
+ Tổng doanh thu	1.913.879.898.437, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	409.279.188.734, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	396.322.747.679, đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 50

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Trần Anh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/06/2023
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	
Ông Tống Quang Vinh	Thành viên	
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2023
Bà Phạm Thị Cao Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/06/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2023
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Vũ Đức Quang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Số: 522/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 08 tháng 4 năm 2024, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.875.654.813.234	5.553.133.970.169
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	843.909.844.663	127.944.063.243
Tiền	111		634.709.844.663	71.944.063.243
Các khoản tương đương tiền	112		209.200.000.000	56.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.656.330.384.434	2.322.272.618.561
Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	172.618.561	172.618.561
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	1.656.157.765.873	2.322.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.335.833.011.202	3.078.143.844.985
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	775.382.393.392	1.013.654.069.318
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	51.360.142.260	81.483.958.164
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.084.258.483.180	2.649.531.848.953
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.293.385.630.944	1.269.880.213.369
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.868.553.638.574)	(1.936.406.244.819)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		1.763.412	6.561.591
Hàng tồn kho	141	8	1.763.412	6.561.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.579.809.523	24.766.881.789
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.054.100.650	3.762.379.198
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.740.182.849	20.993.485.226
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	16.785.526.024	11.017.365
Giao dịch mua bán lại trái phiếu	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.210.646.102.054	7.666.872.498.538
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.163.596.384.051	1.172.665.691.305
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	485.116.218.890	477.357.633.476
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	678.480.165.161	695.308.057.829
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		745.453.088.673	779.171.147.805
Tài sản cố định hữu hình	221	12	745.385.003.629	779.171.147.805
- Nguyên giá	222		1.099.473.644.498	1.099.168.942.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(354.088.640.869)	(319.997.794.420)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	68.085.044	-
- Nguyên giá	228		1.792.138.668	1.714.684.123
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.724.053.624)	(1.714.684.123)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48.849.426.755	48.849.426.755
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.3	5.245.114.862.580	5.658.129.873.790
Đầu tư vào công ty con	251		3.868.624.290.939	3.868.624.290.939
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		172.567.765.095	173.052.765.095
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(761.805.991.864)	(349.275.980.654)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.632.339.995	8.056.358.883
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.632.339.995	8.056.358.883
TỔNG TÀI SẢN	270		13.086.300.915.288	13.220.006.468.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.419.343.526.982	7.488.110.747.330
Nợ ngắn hạn	310		4.248.550.405.734	3.611.545.162.306
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.110.982.504.038	1.346.264.686.192
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	122.874.837.052	51.474.842.755
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.576.710.308	40.564.503.343
Phải trả người lao động	314		20.102.140.937	16.957.435.574
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	377.131.464.292	395.997.782.629
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	43.640.372.768	31.403.942.179
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	770.735.605.567	441.016.649.205
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.789.590.960.334	1.285.939.228.744
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	11.915.810.438	1.926.091.685
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		3.170.793.121.248	3.876.565.585.024
Phải trả người bán dài hạn	331	14	906.055.404.849	1.063.526.544.282
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	136.784.124.432	140.619.193.340
Phải trả dài hạn khác	337	20	72.947.309.442	581.966.607.950
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.055.006.282.525	2.090.453.239.452
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.666.957.388.306	5.731.895.721.377
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.666.957.388.306	5.731.895.721.377
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		544.743.759.363	14.743.759.363
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		626.842.508.943	1.221.780.842.014
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		230.519.761.264	5.426.990.800
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		396.322.747.679	1.216.353.851.214
TỔNG NGUỒN VỐN	440		13.086.300.915.288	13.220.006.468.707

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	926.075.487.240	617.574.838.246
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		926.075.487.240	617.574.838.246
Giá vốn hàng bán	11	24	765.561.133.494	571.553.320.532
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160.514.353.746	46.021.517.714
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	986.512.674.303	3.792.764.337.957
Chi phí tài chính	22	26	739.413.694.845	322.322.838.353
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		287.206.191.012	155.330.859.570
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	(392.318.636)	2.037.457.548.067
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		408.005.651.840	1.479.005.469.251
Thu nhập khác	31	28	1.291.736.894	758.503.368
Chi phí khác	32	29	18.200.000	65.237.836.625
Lợi nhuận khác	40		1.273.536.894	(64.479.333.257)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		409.279.188.734	1.414.526.135.994
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	12.532.422.167	201.952.237.413
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	424.018.888	(8.056.358.883)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		396.322.747.679	1.220.630.257.464

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		409.279.188.734	1.414.526.135.994
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.100.215.950	34.764.195.652
Các khoản dự phòng	03		344.677.404.965	2.001.678.952.660
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		31.537.754.669	27.895.221.001
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(986.347.799.234)	(3.768.211.383.491)
Chi phí lãi vay	06		287.206.191.012	155.330.859.570
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		120.452.956.096	(134.016.018.614)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.344.226.252)	164.072.322.209
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.798.179	34.572.382
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(183.406.289.436)	(1.433.003.278.866)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		708.278.548	102.836.422.294
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	21.209.042.689
Tiền lãi vay đã trả	14		(285.480.996.314)	(132.173.557.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(68.857.396.724)	(162.412.788.881)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.734.249.997)	(8.296.566.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(493.657.125.900)	(1.581.749.851.390)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(382.156.818)	(79.314.291)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	428.540.067
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.294.907.751)	(2.378.057.808.469)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		732.923.349.084	7.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		485.000.000	4.348.750.530.266
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.011.029.359.778	519.536.129.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.688.760.644.293	2.497.578.077.441

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	127.729.961.600
Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.841.150.161)	(1.077.457.253.865)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(449.469.600.000)	(125.851.603.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(480.310.750.161)	(1.075.578.895.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	714.792.768.232	(159.750.669.574)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	127.944.063.243	287.329.109.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.173.013.188	365.623.628
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	843.909.844.663	127.944.063.243

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Sông Đà (Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 06 năm 2023 thay đổi Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 là 119 người (tại ngày 31/12/2022 là 114 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện, xây lắp và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

(a) Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	68,93%	68,93%	68,93%
2. Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
4. Công ty CP Sông Đà 3	Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, Kon Tum	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
5. Công ty CP Sông Đà 4	KĐT Văn Khê, phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
6. Công ty CP Sông Đà 5	Tòa nhà HH4, phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
7. Công ty CP Sông Đà 6	KĐT Văn Khê, phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
8. Công ty CP Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
9. Công ty CP Sông Đà 10	Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
10. Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
11. Công ty CP PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(b) Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty CP Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%	35,11%
2. Công ty CP Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
3. Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lư, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
5. Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
6. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
7. Công ty CP Sông Đà 12	SV05-01, Khu Đô thị Văn Phú, Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
9. Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, Bình Phước	SX, XNK cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

(c) Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, Sơn La
2. Văn phòng Đại diện Tổng Công ty Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, Lai Châu
3. Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La
4. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum
5. Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, Đăk Nông
6. Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, Nghệ An
7. Ban điều hành Dự án nhà máy thủy điện Ialy mở rộng - Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	153 Trần Nhân Tông, Tổ 7, phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum
8. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, Quảng Nam
9. Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam
10. Ban quản lý Dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Tổng Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó hoặc có giao dịch thường xuyên tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Tổng Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: Giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom): Giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu niêm yết đã bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: Việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp.
- Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng Công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng Công ty ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tổng Công ty ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại Tổng Công ty có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 47
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí công trình xây dựng, tiền chậm nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và các chi phí phải trả khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.15 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường để vay dài hạn mục đích để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

3.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng và doanh thu nhận trước tiền xây dựng công trình. Tổng Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, xây lắp, cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.973.090.065,	1.981.915.437
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	632.736.754.598	69.962.147.806
- Các khoản tương đương tiền	209.200.000.000	56.000.000.000
Cộng	843.909.844.663	127.944.063.243

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.054.100.650	3.762.379.198
Các khoản khác	3.054.100.650	3.762.379.198
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.054.100.650	3.762.379.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng Công ty Sông Đà.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

(a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	981.194.316.519	981.194.316.519
- Công ty CP Thủy điện Cản Đơn	1.010.880.360.000	1.010.880.360.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	228.073.875.831
- Công ty CP Sông Đà 3	64.464.000.000	64.464.000.000
- Công ty CP Sông Đà 4	72.975.500.000	72.975.500.000
- Công ty CP Sông Đà 5	196.843.824.000	196.843.824.000
- Công ty CP Sông Đà 6	339.023.100.000	339.023.100.000
- Công ty CP Sông Đà 9	305.867.224.224	305.867.224.224
- Công ty CP Sông Đà 10	417.736.289.900	417.736.289.900
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	15.973.200.000
- Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	222.842.600.465
Cộng	3.868.624.290.939	3.868.624.290.939

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Giá trị ghi sổ	3.868.624.290.939	3.868.624.290.939
- Dự phòng	(542.226.956.403)	(130.228.356.403)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty CP BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	128.215.909.014
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	84.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	3.504.398.126
- Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	20.887.000.000
- Công ty CP Điện Việt Lào	1.546.238.316.070	1.546.238.316.070
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	23.838.175.200
- Công ty CP Sông Đà 12	12.005.000.000	12.005.000.000
- Công ty CP Sông Đà 2	47.040.000.000	47.040.000.000
Cộng	<u>1.965.728.798.410</u>	<u>1.965.728.798.410</u>

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
- Dự phòng	(215.074.188.747)	(214.542.777.537)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	538.200.000
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	55.396.800.278	55.396.800.278
- Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	110.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	13.082.914.986	13.082.914.986
- Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	165.300.000
- Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1.536.000.000	1.536.000.000
- Công ty CP Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	5.930.749.831
- Công ty CP Công nghiệp Cao su COECCO	4.573.200.000	4.573.200.000
- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	25.724.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hồ Bản	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	6.390.500.000	6.875.500.000
- Công ty CP Sông Đà 11	51.820.100.000	51.820.100.000
Cộng	<u>172.567.765.095</u>	<u>173.052.765.095</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	172.567.765.095	173.052.765.095
- Dự phòng	(4.504.846.714)	(4.504.846.714)

Tình hình biến động dự phòng cho các nhà đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Số đầu năm	349.275.980.654	211.763.343.055
+ Trích lập dự phòng	412.530.011.210	137.935.882.108
+ Hoàn nhập dự phòng	-	(423.244.509)
- Số cuối năm	<u>761.805.991.864</u>	<u>349.275.980.654</u>

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	775.382.393.392	1.013.654.069.318
- Phải thu các bên liên quan	550.193.752.297	676.954.774.254
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	67.364.460.663	82.788.005.583
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	224.294.270.168	342.827.780.453
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	256.209.165.835	249.609.677.559
+ Công ty CP Sông Đà 6	475.010.125	-
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.580.598.208	1.580.598.208
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	270.247.298	137.315.045
+ Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	-	11.397.406
- Phải thu các khách hàng khác	225.188.641.095	336.699.295.064
b) Dài hạn	485.116.218.890	477.357.633.476
- Phải thu các bên liên quan	484.922.120.942	475.891.117.892
+ Công ty CP Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	133.508.255.037	133.039.572.980
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	332.411.397.261	323.849.076.268
- Phải thu các khách hàng khác	194.097.948	1.466.515.584
+ Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	194.097.948	194.097.948
+ Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	1.272.417.636
Cộng	<u>1.260.498.612.282</u>	<u>1.491.011.702.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	51.360.142.260	81.483.958.164
- Trả trước cho các bên liên quan	8.285.954.607	37.421.811.411
+ Công ty CP Sông Đà 3	-	5.019.505.463
+ Công ty CP Sông Đà 6	-	6.938.949.731
+ Công ty CP Sông Đà 9	-	13.146.373.783
+ Công ty CP Sông Đà 10	-	2.251.872.798
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.961.835.591	961.835.591
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	88.567.047	260.568.300
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	6.235.551.969	8.842.705.745
- Trả trước cho đơn vị khác	43.074.187.653	44.062.146.753
b) Dài hạn	-	-
Cộng	51.360.142.260	81.483.958.164

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.084.258.483.180	2.649.531.848.953
- Phải thu các bên liên quan	698.615.139.837	702.089.161.093
+ Công ty CP Điện Việt Lào	689.250.297.527	693.928.291.836
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	4.984.623.302	4.388.099.818
+ Công ty CP Sông Đà 4	4.380.219.008	3.772.769.439
- Phải thu các tổ chức khác	2.385.643.343.343	1.947.442.687.860
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	2.347.540.157.916	1.902.331.289.536
+ Các đối tượng khác	38.103.185.427	45.111.398.324
b) Dài hạn	678.480.165.161	695.308.057.829
- Phải thu các bên liên quan	141.824.978.428	145.351.172.877
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	88.640.610.297	90.844.481.864
+ Công ty CP Sông Đà 4	53.184.368.131	54.506.691.013
- Phải thu các tổ chức khác	536.655.186.733	549.956.884.952
+ Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	536.555.186.733	549.856.884.952
+ Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.762.738.648.341	3.344.839.906.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.293.385.630.944	1.269.880.213.369
- Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	359.917.651.236	203.077.918.636
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	235.942.377.600	103.706.245.000
+ Công ty CP Sông Đà 2	-	3.528.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 4	13.390.000.000	13.390.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 6	51.983.542.000	51.983.542.000
+ Công ty CP Sông Đà 9	28.037.721.600	28.037.721.600
+ Công ty CP Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	28.131.600.000	-
+ Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.697.410.036	1.697.410.036
- Phải thu các bên liên quan	36.550.437.925	71.312.093.731
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	819.361.682	450.581.072
+ Công ty CP Điện Việt Lào	-	31.275.976.162
+ Công ty TNHH MTV Xekaman 1	116.558.759	116.558.759
+ Công ty CP Sông Đà 3	81.320.432	81.320.432
+ Công ty CP Sông Đà 4	-	273.747.314
+ Công ty CP Sông Đà 5	-	2.463.524
+ Công ty CP Sông Đà 6	6.465.080.509	6.855.435.062
+ Công ty CP Sông Đà 9	238.194.259	238.194.259
+ Công ty CP Sông Đà 10	10.601.068.398	10.738.825.339
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	18.223.427.249	21.273.565.171
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.426.637	5.426.637
- Phải thu các tổ chức và các nhân khác	896.917.541.783	995.490.201.002
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	584.506.655.960	684.762.161.794
+ Phải thu khác	312.410.885.823	310.728.039.208
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.293.385.630.944	1.269.880.213.369

11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Số đầu năm	1.936.406.244.819	72.239.929.758
+ Trích lập dự phòng	56.821.687.179	1.866.166.315.061
+ Hoàn nhập dự phòng	(124.674.293.424)	(2.000.000.000)
- Số cuối năm	1.868.553.638.574	1.936.406.244.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	11.969.999.110	271.080.663.354	1.099.168.942.225
Mua trong năm	-	-	-	240.112.273	64.590.000	304.702.273
31/12/2023	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	12.210.111.383	271.145.253.354	1.099.473.644.498
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	(123.502.578.161)	(58.808.437.009)	(27.505.772.697)	(11.969.999.110)	(98.211.007.443)	(319.997.794.420)
Khấu hao trong năm	(16.869.166.584)	(5.678.077.416)	(886.029.228)	(58.072.017)	(10.599.501.204)	(34.090.846.449)
31/12/2023	(140.371.744.745)	(64.486.514.425)	(28.391.801.925)	(12.028.071.127)	(108.810.508.647)	(354.088.640.869)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	559.479.232.037	29.502.052.003	17.320.207.854	-	172.869.655.911	779.171.147.805
31/12/2023	542.610.065.453	23.823.974.587	16.434.178.626	182.040.256	162.334.744.707	745.385.003.629

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 724.127.710.641 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 794.593.331.424 đồng).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 40.663.557.471 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 36.405.302.926 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
Mua trong năm	-	-	77.454.545	77.454.545
31/12/2023	337.478.200	1.187.205.923	267.454.545	1.792.138.668
HAO MÔN LUY KẾ				
01/01/2023	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(190.000.000)	(1.714.684.123)
Khấu hao trong năm	-	-	(9.369.501)	(9.369.501)
31/12/2023	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(199.369.501)	(1.724.053.624)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	-	-	-	-
31/12/2023	-	-	68.085.044	68.085.044

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.714.684.123 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 1.524.864.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.110.982.504.038	1.346.264.686.192
- Phải trả các bên liên quan	924.843.470.059	1.039.029.001.002
+ Công ty CP Sông Đà 2	10.641.573.317	10.556.372.496
+ Công ty CP Sông Đà 3	20.213.431.611	43.805.924.787
+ Công ty CP Sông Đà 4	9.054.407.189	14.409.161.481
+ Công ty CP Sông Đà 5	988.940.904	11.489.200.715
+ Công ty CP Sông Đà 6	10.646.039.132	12.705.766.207
+ Công ty CP Sông Đà 9	19.950.887.935	53.896.860.143
+ Công ty CP Sông Đà 10	85.543.042.261	128.741.245.512
+ Công ty CP Thủy điện Cản Đon	761.078.737.141	749.441.859.276
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	1.813.519.211	2.253.865.540
+ Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	335.286.730	3.674.878.000
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	85.225.684	468.033.505
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	206.349.684	506.349.684
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	4.286.029.260	7.079.483.656
- Phải trả các đơn vị khác	186.139.033.979	307.235.685.190
b) Dài hạn	906.055.404.849	1.063.526.544.282
- Phải trả các bên liên quan	718.396.013.577	842.564.150.180
+ Công ty CP Sông Đà 2	559.308.050	1.132.672.929
+ Công ty CP Sông Đà 3	11.565.059.291	11.565.059.291
+ Công ty CP Sông Đà 4	46.963.030.504	75.025.516.802
+ Công ty CP Sông Đà 5	23.584.460.847	36.226.207.266
+ Công ty CP Sông Đà 6	125.495.295.145	158.333.183.117
+ Công ty CP Sông Đà 9	108.197.099.083	132.116.356.661
+ Công ty CP Sông Đà 10	205.180.675.610	211.126.875.591
+ Công ty CP Sông Đà 12	364.421.130	364.421.130
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	5.134.012.042	5.134.012.042
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	101.298.230.401	109.561.692.014
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Đà -Ucrin	822.909.017	822.909.017
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	89.217.872.367	101.155.244.320
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	-
- Phải trả các đơn vị khác	187.659.391.272	220.962.394.102
Cộng	2.017.037.908.887	2.409.791.230.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
	107.142.763	12.432.870.497	11.653.986.830	886.026.430
	39.539.448.532	12.532.422.167	52.071.870.699	-
	788.031.913	2.129.360.264	2.356.588.434	560.803.743
	-	10.127.523.771	10.127.523.771	-
	121.385.634	6.000.000	6.000.000	121.385.634
	8.494.501	-	-	8.494.501
	40.564.503.343	37.228.176.699	76.215.969.734	1.576.710.308

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
	-	-	16.785.526.024	16.785.526.024
	11.017.365	-	11.017.365	-
	11.017.365	-	16.796.543.389	16.785.526.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	122.874.837.052	51.474.842.755
- Trả trước của các bên liên quan	22.999.392.161	25.874.411.327
+ Công ty TNHH điện Xekaman 1	-	2.875.019.166
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	22.359.308.483	22.359.308.483
+ Công ty CP Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
- Trả trước của các đơn vị khác	99.875.444.891	25.600.431.428
+ Liên danh CMC/ITD/SONGDA	92.009.606.180	-
+ Phí ủy thác đầu tư	7.493.353.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	122.874.837.052	51.474.842.755

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	377.131.464.292	395.997.782.629
- Chi phí lãi vay	24.764.171.189	14.430.095.032
- Chi phí công trình xây dựng	119.634.621.306	149.836.926.476
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	232.732.671.797	231.730.761.121
b) Dài hạn	-	-
Cộng	377.131.464.292	395.997.782.629

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.640.372.768	31.403.942.179
- Doanh thu xây dựng công trình	31.343.347.214	20.324.472.244
- Doanh thu cho thuê văn phòng	12.297.025.554	11.079.469.935
b) Dài hạn	136.784.124.432	140.619.193.340
- Doanh thu cho thuê văn phòng	136.784.124.432	140.619.193.340
Cộng	180.424.497.200	172.023.135.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	770.735.605.567	441.016.649.205
- Phải trả các bên liên quan	206.755.646.897	218.079.832.108
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	48.332.970	48.332.970
+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.075.705.932	186.086.495.486
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	-	39.069.000
+ Công ty CP Sông Đà 2	3.005.946.005	3.005.946.005
+ Công ty CP Sông Đà 3	1.093.041.764	1.093.041.764
+ Công ty CP Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
+ Công ty CP Sông Đà 9	-	239.088.750
+ Công ty CP Sông Đà 10	7.603.284.109	18.638.522.016
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	563.979.958.670	222.936.817.097
b) Dài hạn	72.947.309.442	581.966.607.950
- Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 2 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Thủy điện Đăkrin	600.000.000	600.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 10 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Tư vấn Sông Đà để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	66.947.309.442	575.966.607.950
+ Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	-	501.600.910.202
+ Phải trả người ủy thác đầu tư	51.963.100.000	52.448.100.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.984.209.442	21.917.597.748
Cộng	843.682.915.009	1.022.983.257.155

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	7.919.937.322	1.605.904.334
- Quỹ phúc lợi	3.995.873.116	320.187.351
Cộng	11.915.810.438	1.926.091.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	4.495.371.120.000	14.743.759.363	135.197.918.465	4.645.312.797.828
- Lãi trong năm trước	-	-	1.220.630.257.464	1.220.630.257.464
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(134.047.333.915)	(134.047.333.915)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(8.176.942.555)	(8.176.942.555)
+ Chia cổ tức	-	-	(125.870.391.360)	(125.870.391.360)
31/12/2022	4.495.371.120.000	14.743.759.363	1.221.780.842.014	5.731.895.721.377
01/01/2023	4.495.371.120.000	14.743.759.363	1.221.780.842.014	5.731.895.721.377
- Lãi trong năm nay	-	-	396.322.747.679	396.322.747.679
- Phân phối lợi nhuận	-	530.000.000.000	(991.261.080.750)	(461.261.080.750)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	530.000.000.000	(530.000.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.723.968.750)	(11.723.968.750)
+ Chia cổ tức	-	-	(449.537.112.000)	(449.537.112.000)
31/12/2023	4.495.371.120.000	544.743.759.363	626.842.508.943	5.666.957.388.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	449.537.112.000	125.870.391.360

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>449.537.112</i>	<i>449.537.112</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>449.537.112</i>	<i>449.537.112</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	436.297.485.691	139.772.784.857
- Doanh thu bán điện	346.942.341.077	343.329.069.058
- Doanh thu cho thuê văn phòng	125.994.491.746	115.208.645.792
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	16.841.168.726	19.264.338.539
Cộng	926.075.487.240	617.574.838.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	352.441.215.638	148.757.653.511
- Giá vốn kinh doanh điện	346.942.341.077	343.329.069.058
- Giá vốn cho thuê văn phòng	64.967.182.155	77.997.271.035
- Giá vốn dịch vụ khác	1.210.394.624	1.469.326.928
Cộng	765.561.133.494	571.553.320.532

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	435.591.434.058	225.092.071.788
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	550.756.365.176	294.444.058.080
- Doanh thu bán cổ phần	-	3.273.172.128.841
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	164.875.069	56.079.248
Cộng	986.512.674.303	3.792.764.337.957

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	287.206.191.012	155.330.859.570
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong năm	7.580.904.635	181.336.428
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	31.537.754.669	27.895.221.001
- Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	412.530.011.210	137.512.637.599
- Phí lưu ký chứng khoán	558.833.319	-
- Chi phí tài chính khác	-	1.402.783.755
Cộng	739.413.694.845	322.322.838.353

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	35.223.137.453	30.739.737.928
- Chi phí vật liệu quản lý	523.788.466	494.053.670
- Chi phí đồ dùng văn phòng	501.119.630	228.470.409
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.173.414.950	2.837.394.642
- Thuế, phí và lệ phí	2.257.079.336	2.528.232.833
- Chi phí dự phòng	(67.852.606.245)	1.864.166.315.061
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.724.709.145	5.915.785.312
- Chi phí bằng tiền khác	20.057.038.629	130.547.558.212
Cộng	(392.318.636)	2.037.457.548.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	428.540.067
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	1.259.530.077	278.763.086
- Các khoản khác	32.206.817	51.200.215
Cộng	1.291.736.894	758.503.368

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chậm nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	-	65.236.168.265
- Các khoản chi phí khác	18.200.000	1.668.360
Cộng	18.200.000	65.237.836.625

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	409.279.188.734	1.414.526.135.994
Các khoản chi phí không được khấu trừ	283.676.509.964	448.247.216.356
- Phí chậm nộp quỹ HTSX Doanh nghiệp	-	65.236.168.265
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	14.108.172.140	110.722.917.231
- Các khoản trích lập dự phòng	269.568.337.824	272.288.130.860
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	550.756.365.176	294.444.058.080
Cổ tức lợi nhuận được chia	550.756.365.176	294.444.058.080
Các khoản điều chỉnh tăng chi phí được trừ	79.537.222.685	70.502.660.243
- Lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP đã bị loại các năm trước	-	70.502.660.243
- Chi phí tái cấu trúc đã nộp thuế năm 2022	1.590.070.417	-
- Hoàn nhập dự phòng các khoản nợ	77.947.152.268	-
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	488.065.446.960
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	62.662.110.837	1.009.761.187.067
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.532.422.167	201.952.237.413
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	12.532.422.167	201.952.237.413

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.120.094.442	40.281.794.416
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	424.018.888	8.056.358.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

32. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi cho vay nhập gốc	55.294.907.751	55.957.808.469
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	5.631.230.544	83.252.624.610
Cộng	60.926.138.295	139.210.433.079

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

33.1 THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện thương phẩm;
- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng công trình;
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2023

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

TÀI SẢN

Số tại 31/12/2023

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	436.297.485.691	346.942.341.077	142.835.660.472	926.075.487.240
	436.297.485.691	346.942.341.077	142.835.660.472	926.075.487.240
	83.856.270.053	-	76.658.083.693	160.514.353.746
			392.318.636	392.318.636
			160.906.672.382	160.906.672.382
			986.512.674.303	986.512.674.303
			(739.413.694.845)	(739.413.694.845)
			1.291.736.894	1.291.736.894
			(18.200.000)	(18.200.000)
			(12.532.422.167)	(12.532.422.167)
			(424.018.888)	(424.018.888)
			396.322.747.679	396.322.747.679
			382.156.818	382.156.818
	2.173.414.950		31.926.801.000	34.100.215.950
	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	1.553.800.709.130	94.457.674.509	737.332.927.421	2.385.591.311.060
				10.700.709.604.228
				13.086.300.915.288
	6.275.105.585.063	761.078.737.141	214.099.455.695	7.250.283.777.899
				169.059.749.083
				7.419.343.526.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2022				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	139.772.784.857	343.329.069.058	134.472.984.331	617.574.838.246
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.772.784.857	343.329.069.058	134.472.984.331	617.574.838.246
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.984.868.654)	-	55.006.386.368	46.021.517.714
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.037.457.548.067)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.991.436.030.353)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.792.764.337.957
Chi phí tài chính				(322.322.838.353)
Thu nhập khác				758.503.368
Chi phí khác				(65.237.836.625)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(201.952.237.413)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				8.056.358.883
Lợi nhuận sau thuế TNDN				1.220.630.257.464
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			79.314.291	79.314.291
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.837.394.652		84.817.422.559	87.654.817.211

TÀI SẢN

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số tại 31/12/2022				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	960.849.970.132	53.531.533.656	769.298.784.913	1.783.680.288.701
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				11.436.326.180.006
Tổng tài sản				13.220.006.468.707
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.201.921.440.093	749.441.859.276	203.944.280.446	7.155.307.579.815
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				332.803.167.515
Tổng nợ phải trả				7.488.110.747.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

33.2 THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Khu vực trong nước	906.462.964.253	602.756.251.478
Khu vực nước ngoài	19.612.522.987	14.818.586.768
Cộng	926.075.487.240	617.574.838.246

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	8.589.631,74	204.232,14

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Sông Đà 3	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 4	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 5	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 6	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 9	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 10	Công ty con
Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Sông Đà 2		
Cổ tức đã nhận Sông Đà 2	3.528.000.000	-
Công ty CP Sông Đà 3		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	5.850.000
Chi phí Công trình	-	2.146.252.680
Công ty CP Sông Đà 4		
Doanh thu công trình	693.371.339	417.561.721
Chi phí giá vốn	103.110.536.433	
Phí bảo lãnh	-	218.485.138
Lãi cho vay	4.161.835.005	-
Công ty CP Sông Đà 5		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	3.070.481.811	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.117.522.808	1.108.431.899
Chi phí giá vốn	1.088.314.576	-
Giảm trừ giá vốn	(526.456.916)	(756.701.742)
Cổ tức phải thu	-	16.681.680.000
Cổ tức đã nhận	12.511.260.000	8.340.840.000
Công ty CP Sông Đà 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	565.636.027
Chi phí Công trình	19.493.640.949	2.118.834.259
Công ty CP Sông Đà 9		
Chi phí giá vốn công trình	82.300.097.193	-
Công ty CP Sông Đà 10		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	3.057.214.197	16.843.556.451
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu	-	427.938.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.417.897.416	1.417.897.416
Chi phí giá vốn	103.463.494.858	493.095.579
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.150.846	118.875.548
Trả nợ gốc	-	48.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện		
Sẽ San 3A		
Cổ tức phải thu	28.560.000.000	57.120.000.000
Cổ tức đã nhận	49.980.000.000	48.552.000.000
Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.131.507	101.093.645
Công ty CP Thủy điện Cản Đơn		
Chi phí giá vốn	241.125.548.073	343.329.069.058
Trả nợ gốc, Lãi cho vay	11.000.098.634	135.409.053.523
Cổ tức đã nhận	101.967.062.400	45.709.372.800
Công ty CP Tư vấn Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	560.122.551	625.152.573
Chi phí giá vốn	44.280.478	-
Cổ tức đã nhận	798.660.000	665.550.000
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà		
Doanh thu phụ phí	1.810.283.850	429.332.681
Chi phí giá vốn	22.992.346.014	429.332.681
Lãi cho vay	952.621	190.530.518
Thu nợ gốc HĐ tín dụng, lãi vay, phí bảo lãnh, tiền thuê Văn phòng	3.000.000.000	3.501.839.706
Công ty CP điện Việt Lào		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	801.861.036	801.861.036
Lãi cho vay	55.294.907.751	49.568.731.109
Cổ tức đã nhận	224.690.070.000	194.111.160.000
Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa		
Doanh thu phí bảo lãnh	-	10.553.154
Chi phí công trình	-	3.366.669.444
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng		
Sông Đà – Ucrin		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	381.782.179	447.017.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc			
Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	1.143.037.979	837.159.714
<i>(Bổ nhiệm ngày 15/06/2023)</i>			
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	1.114.217.268	970.048.702
<i>(Miễn nhiệm ngày 09/06/2023)</i>			
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	747.234.881	681.639.840
<i>(Miễn nhiệm ngày 09/06/2023)</i>			
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	-	858.078.497
<i>(Miễn nhiệm ngày 09/06/2023)</i>			
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	882.099.304	890.163.033
Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc	301.618.182	-
<i>(Bổ nhiệm ngày 19/06/2023)</i>			
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	720.228.627	665.562.262
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	723.188.366	657.700.103
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	1.083.806.681	941.526.240
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên	522.257.727	-
<i>(Bổ nhiệm ngày 09/06/2023)</i>			
Cộng		7.237.689.015	6.501.878.391

34.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức



**TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /TCT- HĐQT

Hà Nội, ngày **23** tháng **5** năm 2024

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**
V/v: thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.
- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.
- Nghị quyết số 19/TCT-HĐQT ngày 27/3/2024 thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà – CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2022: 230.519.761.264, đồng
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 396.322.747.679, đồng
3. Trích lập các quỹ:
 - 3.1 Trích Quỹ đầu tư phát triển 30% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 118.896.824.304, đồng.
 - 3.2 Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định phê duyệt quỹ Khen thưởng, phúc lợi cho Người lao động bằng 3 tháng tiền lương thực hiện của người lao động năm 2023 nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch; trích Quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2023.
4. Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồngLợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000, đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

Số: 05/TCT-BKS

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024



TỜ TRÌNH CỦA BKS TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014;
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;
- Quyết định số 74/TCT-HĐQT ngày 31/5/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà-CTCP về việc phê duyệt và ban hành quy định về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính;
- Các Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty Sông Đà - CTCP thông qua:

1. Danh sách 03 (ba) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

2. Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP TCT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Thắng

**TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ-CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **09/TCT-HĐQT**

Hà Nội, ngày **25** tháng **5** năm **2024**

TỜ TRÌNH CỦA HĐQT TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023;
Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà-CTCP;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, có vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 của TCT Sông Đà - CTCP;

Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 như sau:

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 đảm bảo đúng quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và phù hợp với phê duyệt quyết toán của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ - CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06**/TCT - HĐQT

Hà Nội, ngày **23** tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
(Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị
Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 20/3/2024 của ông Nguyễn Tiến Dũng -
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Văn bản của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
(SCIC) về miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ
đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông/bà có tên dưới tên dưới
đây:

* Ông Nguyễn Tiến Dũng - sinh năm: 1981; trình độ chuyên môn: Cử
nhân Tài chính ngân hàng, Thạc sỹ Kế toán quốc tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP, TCNS TCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ - CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **07**/TCT - HĐQT
(V/v: Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028)

Hà Nội, ngày **23** tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Văn bản của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về nhân sự kiện toàn chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Theo đó, về nội dung kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028; Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP, cổ đông sở hữu 99,79% vốn điều lệ của Tổng công ty Sông Đà - CTCP giới thiệu, đề cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP bầu ông/bà có tên dưới đây tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028:

* Giới thiệu đề cử, bầu ông Lê Văn Tuấn - sinh năm: 1970; trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý sản xuất Kinh doanh Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng (ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP báo cáo, gửi kèm theo lý lịch và các hồ sơ liên quan của ứng cử viên, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty Sông Đà - CTCP xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP, TCNS TCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn